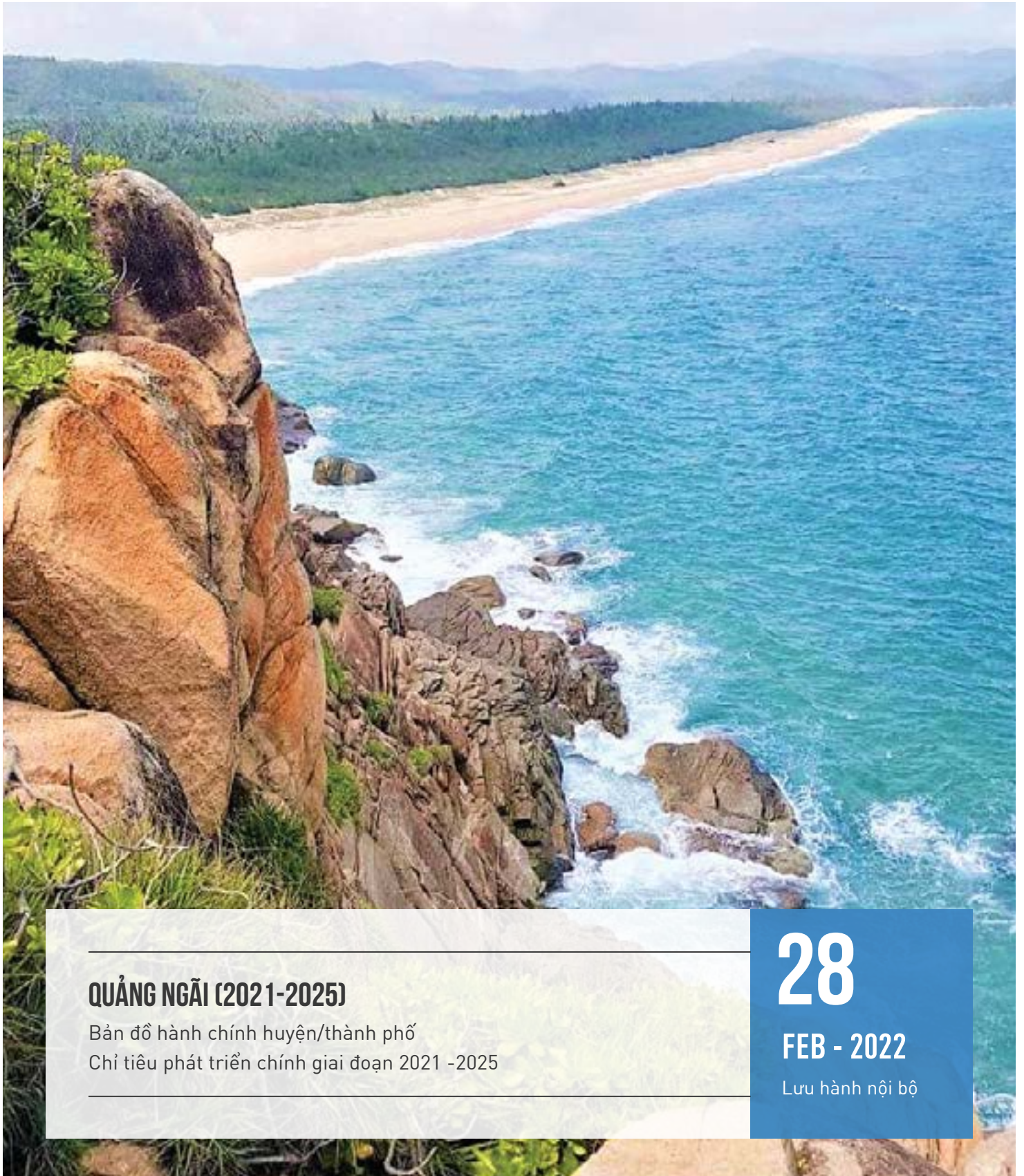


Land&Life

VOL.28 | QUẢNG NGÃI | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**



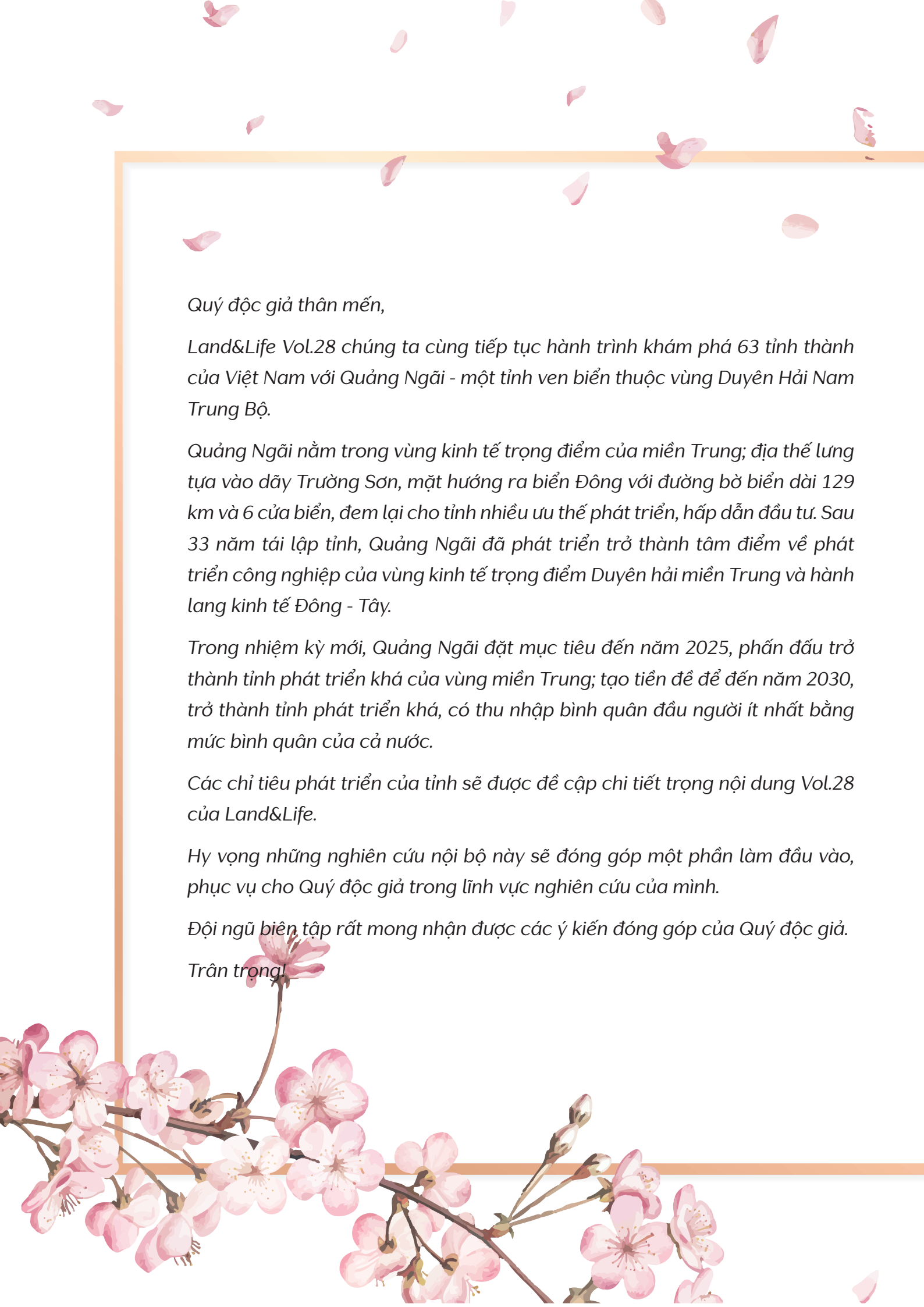
QUẢNG NGÃI (2021-2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố
Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 -2025

28

FEB - 2022

Lưu hành nội bộ



Quý độc giả thân mến,

Land&Life Vol.28 chúng ta cùng tiếp tục hành trình khám phá 63 tỉnh thành của Việt Nam với Quảng Ngãi - một tỉnh ven biển thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.

Quảng Ngãi nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung; địa thế lưng tựa vào dãy Trường Sơn, mặt hướng ra biển Đông với đường bờ biển dài 129 km và 6 cửa biển, đem lại cho tỉnh nhiều ưu thế phát triển, hấp dẫn đầu tư. Sau 33 năm tái lập tỉnh, Quảng Ngãi đã phát triển trở thành tâm điểm về phát triển công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm Duyên hải miền Trung và hành lang kinh tế Đông - Tây.

Trong nhiệm kỳ mới, Quảng Ngãi đặt mục tiêu đến năm 2025, phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá của vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.28 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!



Chịu trách nhiệm nội dung

VNMedia

Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Hồ Mậu Tuấn

Đinh Thị Minh Hậu

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Cuong
Tran Anh Quoc Cuong

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065

12



Thành phố Quảng Ngãi

16



Bình Sơn

20



Sơn Tịnh





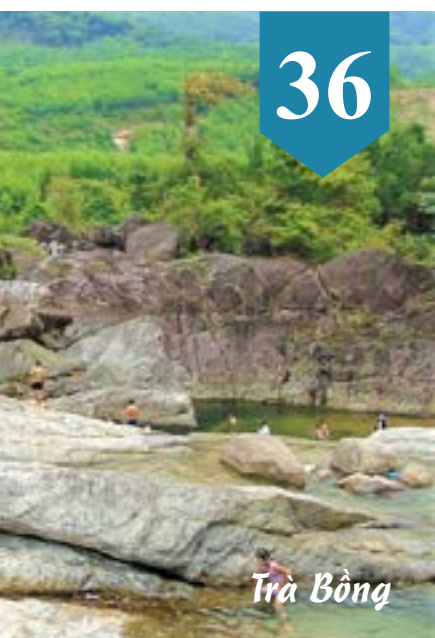
28

Nghĩa Hành



32

Mộ Đức



36

Trà Bồng



46

Minh Long



52

Lý Sơn



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 5.155,25 km²

Dân số trung bình: 1.233.396 người.

Mật độ: 239,3 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Quảng Ngãi có 13 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 1 thành phố, 1 thị xã và 11 huyện (gồm 1 huyện đảo, 5 huyện đồng bằng, 5 huyện miền núi) với 173 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 17 phường, 8 thị trấn và 148 xã





Mục tiêu tổng quát và giải pháp đột phá giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng bộ và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân; khơi dậy niềm tự hào, phát huy truyền thống anh hùng, sức mạnh đoàn kết và khát vọng phát triển; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tận dụng thời cơ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước.

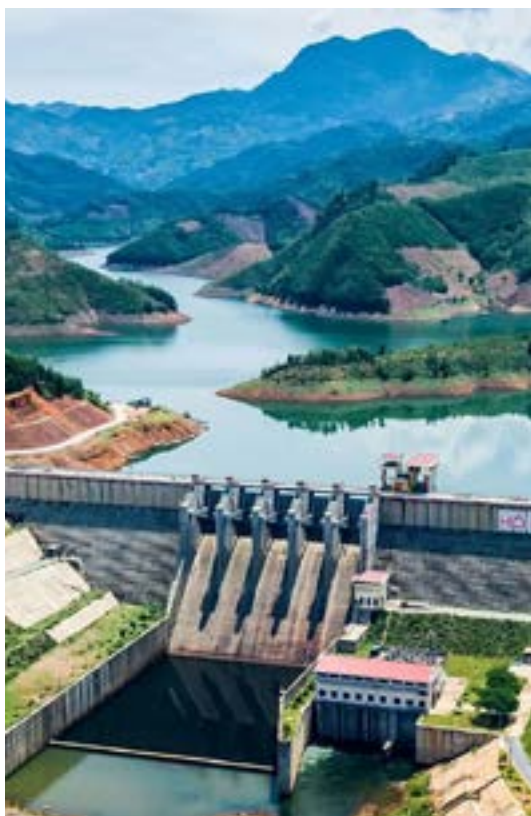
KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 7 - 8%/năm;
- Năng suất lao động tăng bình quân 6 - 8%/năm.
- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người khoảng 4.200 - 4.400 USD;
- Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 7 - 10%/năm;
- Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GRDP khoảng 69 - 70%;
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 35%.
- Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 150.000 tỷ đồng.
- Phần đầu thu ngân sách hàng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao trên 5%.



XÃ HỘI

- Đến năm 2025, có 119 xã và 6 huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới;
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 37%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 65%;
- Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,8%;
- Có ít nhất 50% trường mầm non, 88% trường tiểu học, 88% trường trung học cơ sở, 32% trường tiểu học - trung học cơ sở, 71% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia;
- Có trên 8 bác sĩ và 32 giường bệnh trên 1 vạn dân;
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm.



MÔI TRƯỜNG

- Đến năm 2025, có ít nhất 90% dân số đô thị, 75% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch
- 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.
- Ít nhất 65% chất thải nguy hại, 95% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn.
- Giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định 52%

QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Hằng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 65%
- Ít nhất 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

XÂY DỰNG ĐẢNG

- Bình quân hàng năm, có khoảng 70% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có khoảng 20% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.



TP. QUẢNG NGÃI

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Quảng Ngãi nằm ở trung bộ Việt Nam, có vị trí địa lý:

Phía Nam giáp huyện Tư Nghĩa

Phía Đông nam giáp huyện Mộ Đức

Phía Bắc giáp huyện Bình Sơn

Phía Đông giáp biển Đông.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

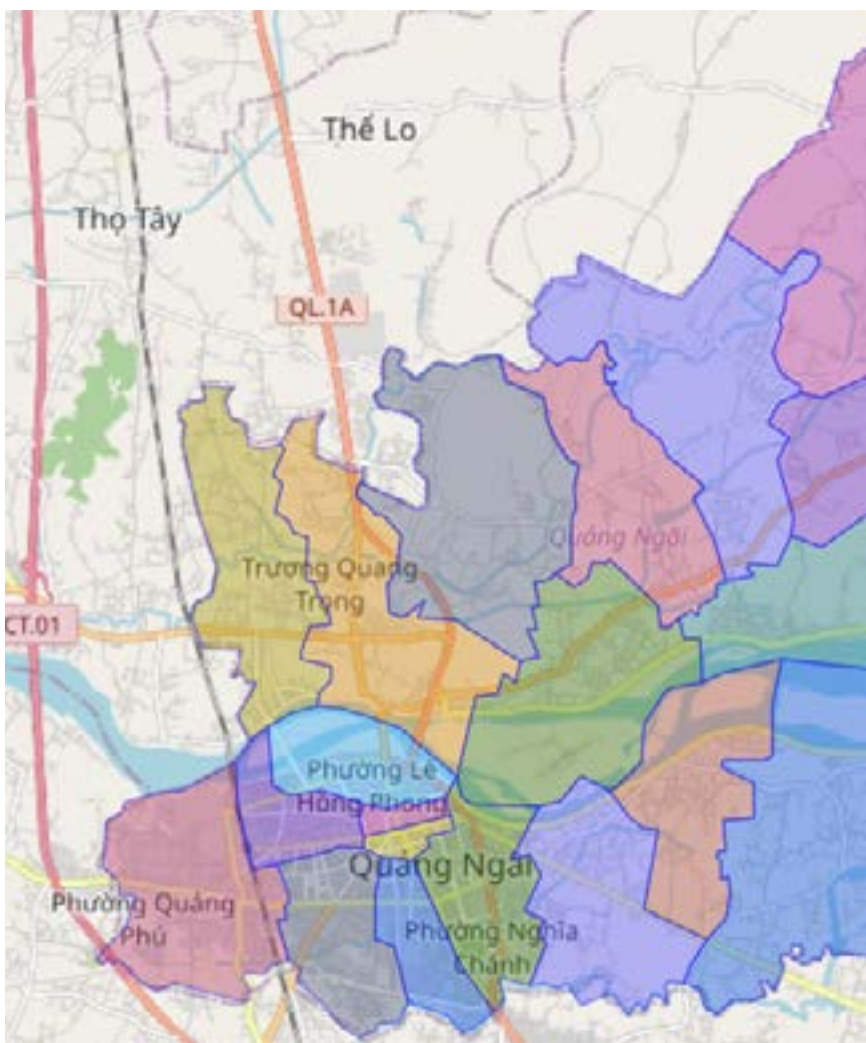
Diện tích: 157,35 km²

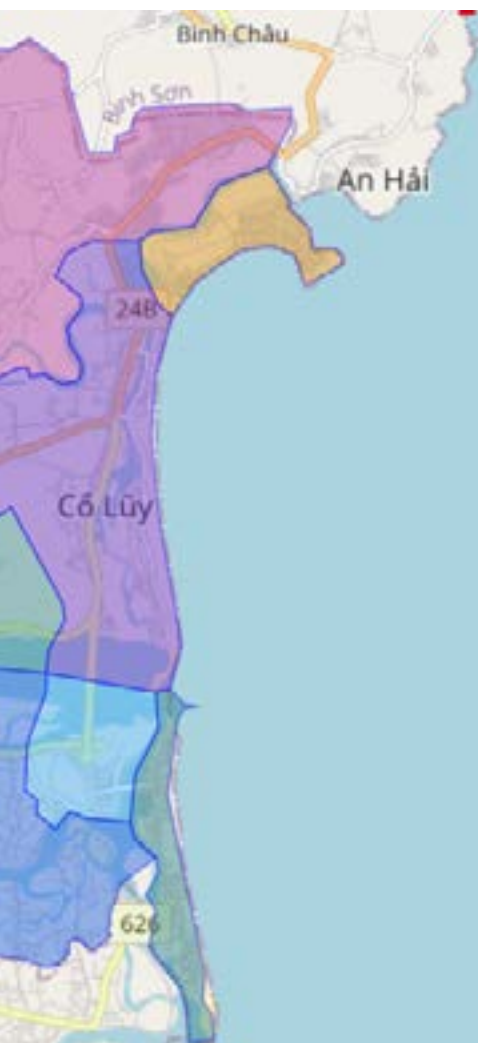
Dân số trung bình: 261.736 người.

Mật độ: 1.663,4 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Quảng Ngãi có 23 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường: Chánh Lộ, Lê Hồng Phong, Nghĩa Chánh, Nghĩa Lộ, Nguyễn Nghiêm, Quảng Phú, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Trương Quang Trọng và 14 xã: Nghĩa An, Nghĩa Đồng, Nghĩa Dũng, Nghĩa Hà, Nghĩa Phú, Tịnh An, Tịnh Ấn Đông, Tịnh Ấn Tây, Tịnh Châu, Tịnh Hòa, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Tịnh Long, Tịnh Thiện.



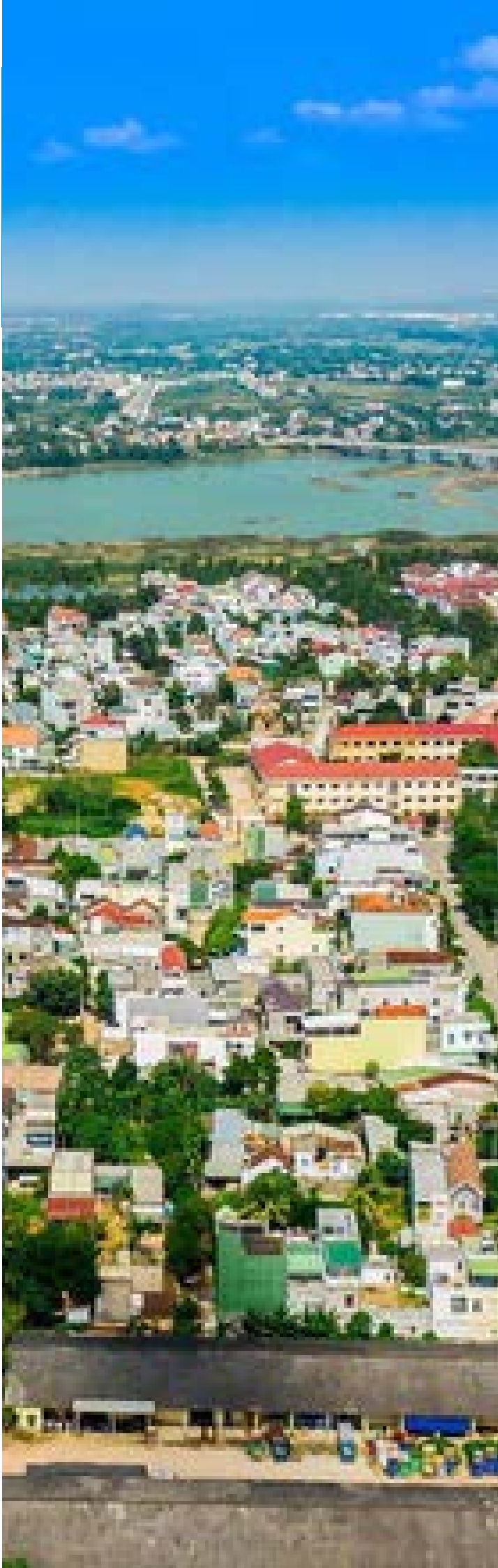


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tận dụng thời cơ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước.

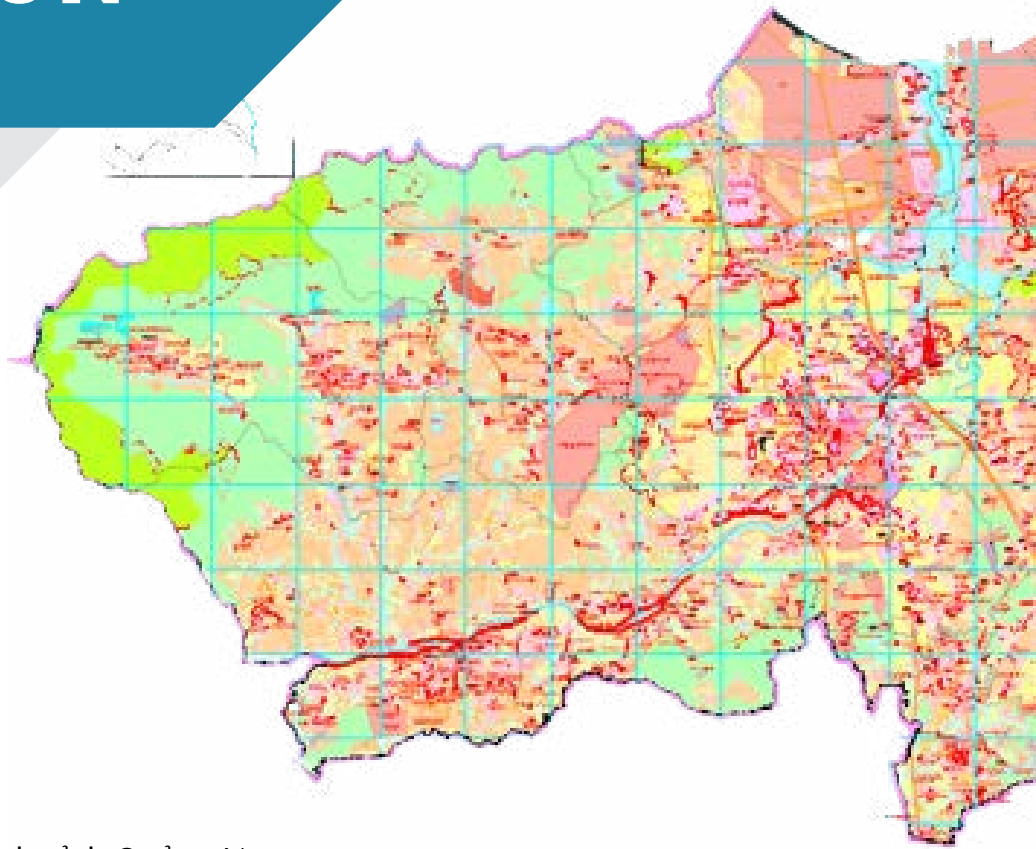


- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân 7,0% - 8,0%/năm;
- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người khoảng 4.200 - 4.400 USD;
- Đến năm 2025, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 69-70%; trong đó, công nghiệp - xây dựng khoảng 40- 41% GRDP;
- Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 5 năm ít nhất 150.000 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng 7-10%/năm;
- Năng suất lao động tăng 6-8%/năm;
- Phần đầu thu ngân sách hàng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao trên 5%;
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 35%;
- Đến năm 2025, có 119 xã và 6 huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới;
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 37%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,8%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 50%; Tiểu học: 88%; Trung học cơ sở: 88,0%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 32,0%; THPT: 71,0%;



- Đến năm 2025, có trên 8 bác sĩ/vận dân; 32 giường bệnh/vận dân (không tính trạm y tế xã);
- Đến năm 2025, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số;
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân giảm 1 - 1,5%/năm;
- Đến năm 2025, có ít nhất 90% dân số đô thị được sử dụng nước sạch;
- Đến năm 2025, có ít nhất 75% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;
- Đến năm 2025, có ít nhất 65% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn;
- Đến năm 2025, ít nhất 90% chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, xử lý;
- Đến năm 2025, có ít nhất 95% chất thải y tế được xử lý đạt chuẩn;
- Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng (có tính cây phân tán) giữ ổn định 52%;
- Hàng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng. Trong đó: có 65% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện;
- Hàng năm, có 80% xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

BÌNH SƠN



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Bình Sơn là một huyện đồng bằng ven biển, nằm ở cửa ngõ phía bắc của tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Phía Nam giáp huyện Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi

Phía Tây giáp huyện Trà Bồng

Phía Đông giáp biển Đông.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 466,85 km²

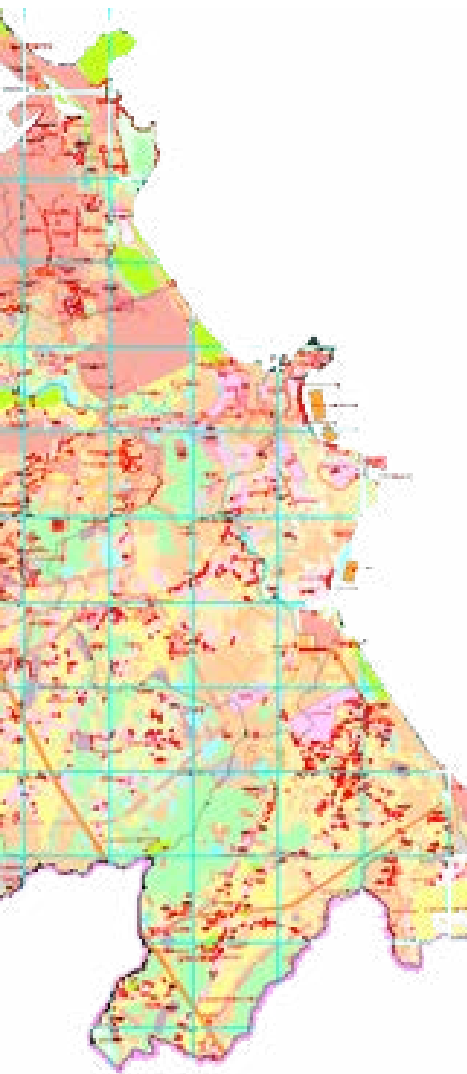
Dân số trung bình: 181.170 người.

Mật độ: 388,1 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bình Sơn có 22 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Châu Ổ và 21 xã: Bình An, Bình Chánh, Bình Châu, Bình Chương, Bình Đông, Bình Dương, Bình Hải, Bình Hiệp, Bình Hòa, Bình Khương, Bình Long, Bình Minh, Bình Mỹ, Bình Nguyên, Bình Phước, Bình Tân Phú, Bình Thanh, Bình Thạnh, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Trung.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Năm 2022 huyện Bình Sơn tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an sinh và trật tự an toàn xã hội.



KINH TẾ

- Tổng giá sản xuất khoảng 20.475 tỷ đồng
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 8,31%.
- Cơ cấu kinh tế: Nông - Lâm - Ngư nghiệp 14,06%; Công nghiệp - Xây dựng 35,62%; Thương mại - Dịch vụ 50,32%.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 471.430 triệu đồng.
- Tổng chi ngân sách trên địa bàn: 904.650 triệu đồng.
- Sản lượng lương thực cây có hạt 69.264 tấn.
- Sản lượng khai thác hải sản 38.480 tấn
- Sản lượng khai thác hải sản 38480 tấn
- Cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.080 giấy.





XÃ HỘI

- Giải quyết việc làm trong năm 1.500 lao động
- Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2022 giảm còn 4%
- Số trường đạt chuẩn quốc gia năm 2022: 03 trường
- Số xã đạt nông thôn mới: 02 xã
- Số hộ gia đình văn hóa: 48.000 hộ

NỘI CHÍNH

- Giao quân đạt 100% theo chỉ tiêu trên giao
- Tỷ lệ giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền đạt từ 85% trở lên
- Phần đầu tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu chí so với năm 2021

Sơn Tịnh



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Sơn Tịnh là một huyện đồng bằng nằm ở phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi.

Phía Đông giáp thành phố Quảng Ngãi;

Phía Tây giáp hai huyện miền núi Trà Bồng, Sơn Hà;

Phía Nam giáp huyện Tư Nghĩa (sông Trà Khúc là ranh giới tự nhiên);

Phía Bắc giáp huyện Bình Sơn.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 243,86 km²

Dân số trung bình: 95.938 người.

Mật độ: 393,4 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Sơn Tịnh có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 11 xã: Tịnh Bắc, Tịnh Bình, Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Hà (huyện lỵ), Tịnh Hiệp, Tịnh Minh, Tịnh Phong, Tịnh Sơn, Tịnh Thọ, Tịnh Trà.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế bền vững, đồng bộ với phát triển văn hóa- xã hội, nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, quản lý và sử dụng tài nguyên, khoáng sản đúng quy định, tăng cường công tác bảo vệ môi trường; ổn định an ninh chính trị; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Phần đầu tổng giá trị sản xuất đạt hơn 9.960 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt 12,5%.
- Kiên cố hóa kênh mương nội đồng đạt từ 30-40 km; bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa từ 50-55 km đường giao thông.
- Đầu tư xây dựng từ 5-6 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và từ 40-50 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.
- Giữ vững 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 12%;



- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 0,72%.
- Bình quân hằng năm, giải quyết việc làm mới và việc làm tăng thêm cho từ 1.600 - 1.700 lao động;
- Xây dựng, sửa chữa 20 nhà ở cho người có công từ nguồn ngân sách huyện.
- Có trên 93% hộ gia đình, trên 97% thôn, xã, 98% cơ quan đạt danh hiệu văn hóa.
- Hằng năm, trùng tu, tôn tạo từ 3-5 di tích lịch sử văn hóa.
- Có 4-5 xã tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1,5%.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đủ 100% đầu mỗi đơn vị; giao quân đạt 100% chỉ tiêu/năm.
- Giữ vững 100% xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó, có từ 75% xã vững mạnh toàn diện trở lên.



TƯ NGHĨA



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Tư Nghĩa nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thành phố Quảng Ngãi và huyện Mộ Đức

Phía Tây giáp huyện Sơn Hà

Phía Nam giáp các huyện Mộ Đức (ranh giới là sông Vệ), Nghĩa Hành và Minh Long

Phía Bắc giáp huyện Sơn Tịnh (ranh giới là sông Trà Khúc) và thành phố Quảng Ngãi.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

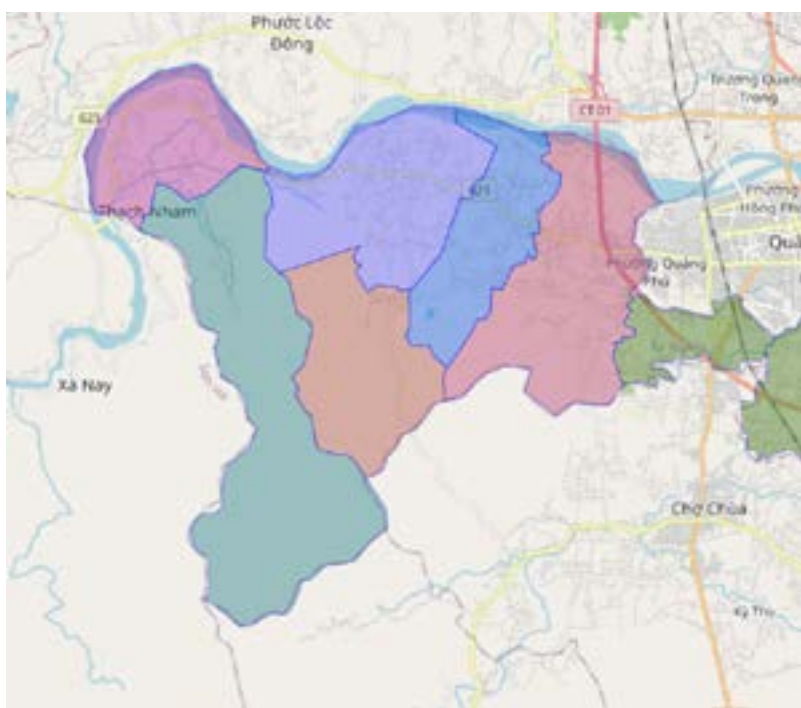
Diện tích: 205,61 km²

Dân số trung bình: 128.759 người.

Mật độ: 626,2 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Tư Nghĩa có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 2 thị trấn: La Hà, Sông Vệ và 12 xã: Nghĩa Điền, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Hòa, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Lâm, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Phương, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Thương, Nghĩa Trung.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tổng giá trị sản xuất đạt 29.668 tỷ đồng;
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất cả nhiệm kỳ 15,5%;
- Thu nhập bình quân đầu người 46 triệu đồng/năm.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 16%; Thương mại dịch vụ tăng 17%; Nông - Lâm - Thủy sản tăng 4%.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 50,1%, Thương mại - dịch vụ 42,6%, Nông, lâm, thủy sản 7,3%.





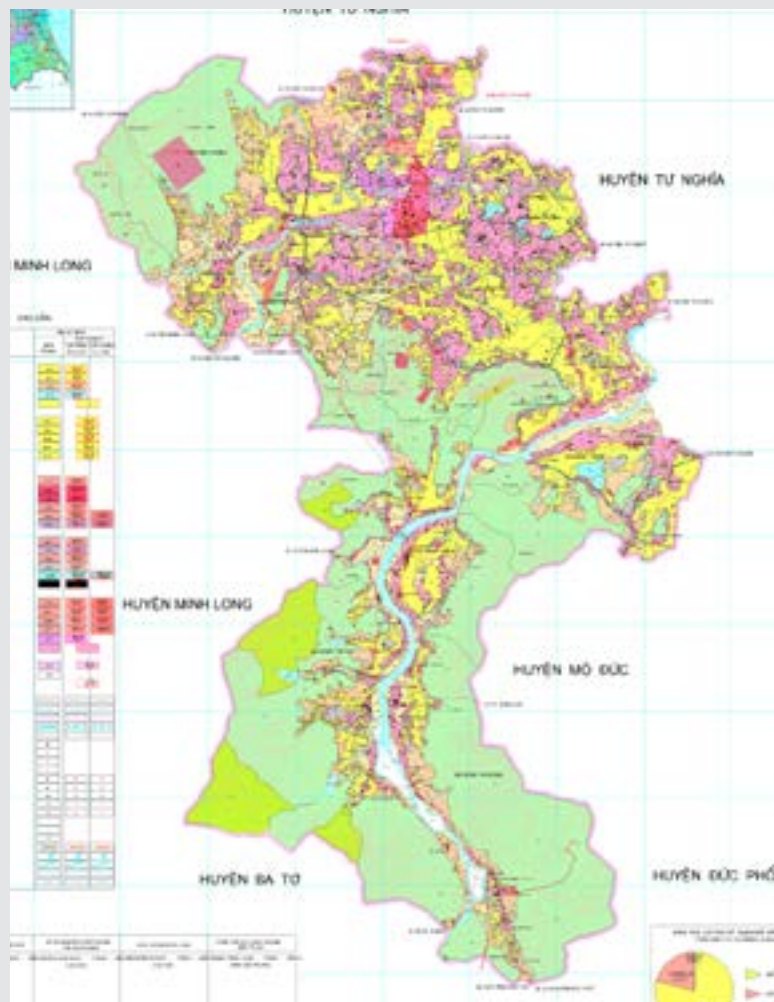
- Tổng sản lượng lương thực 58.695 tấn; năng suất lúa bình quân đạt 66 tạ/ha.
- Thu ngân sách hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.
- Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2025 đạt tỷ lệ 50% trên tổng số thôn.
- Có 02 đến 03 xã đạt xã Nông thôn mới nâng cao, 01 - 02 xã đạt xã Nông thôn mới kiểu mẫu.
- Đến năm 2025, có 100% trường học trên địa bàn huyện được kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia giai đoạn mới.
- Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao các tiêu chí đô thị loại V cho thị trấn La Hà, thị trấn Sông Vệ, từng bước đạt một số tiêu chí đô thị loại IV cho thị trấn La Hà và hoàn thành khu trung tâm của xã.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95%.
- Số lao động có việc làm mới hàng năm khoảng 3.000 - 3.500 người.
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện đến năm 2025 còn 1,5%.
- Đến năm 2025, xây dựng 100% số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; trong đó xã, thị trấn đạt vững mạnh toàn diện, đạt tỷ lệ 65%.
- Đến năm 2025 tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 20% số tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành nhiệm vụ.
- Đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80%, không có tổ chức cơ sở Đảng yếu kém.
- Trong nhiệm kỳ kết nạp 400 đảng viên .
- 100% cán bộ, công chức cấp huyện và cơ sở đạt chuẩn theo quy định.





NGHĨA HÀNH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Nghĩa Hành là huyện trung du duy nhất của tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Tư Nghĩa

Phía Nam giáp huyện Ba Tơ và thị xã Đức Phổ

Phía Tây giáp huyện Minh Long

Phía Đông giáp huyện Mộ Đức và Tư Nghĩa

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 234,49 km²

Dân số trung bình: 82.325 người.

Mật độ: 351,1 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện chia làm 12 đơn vị hành chính gồm thị trấn Chợ Chùa và 11 xã: Hành Đức, Hành Dũng, Hành Minh, Hành Nhân, Hành Phước, Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Thuận, Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Trung..





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Giữ vững và nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới; tiếp tục hoàn thiện những tiêu chí còn thiếu của huyện nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tăng năng suất lao động, tăng giá trị trên đơn vị diện tích, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh sản phẩm. Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện

đại hoá, tạo bước vững chắc để đẩy nhanh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại- dịch vụ. Tiếp tục gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tăng cường công tác quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao năng lực chỉ đạo và sức chiến đấu của Đảng, năng lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, xây dựng mặt trận và các đoàn thể nhân dân được vững mạnh.

- Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm từ 9 – 10%.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 từ 60 – 65 triệu đồng.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông – lâm - thủy sản chiếm từ: 18 – 19 %; CN, tiểu thủ công nghiệp – Xây dựng chiếm từ: 31 – 32%; thương mại - dịch vụ chiếm từ: 49 - 50%.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 5 - 10% (so với chỉ tiêu tỉnh giao).
- Đến năm 2025, có 05 xã nông thôn mới nâng cao và 34/68 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.
- Hoàn thành chỉ tiêu đô thị loại V và phấn đấu đạt 5 - 10% chỉ tiêu đô thị loại IV.14
- Giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia 37/37 trường.
- Đến năm 2025, có 04 - 05 bác sĩ/vận dân và 30 giường bệnh/vận dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95%.





- Đến năm 2025, có 85 - 90% gia đình, 96 - 98% thôn, tổ dân phố văn hoá, 96 - 98% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá và 10 - 11 xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới.
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% tổng số lao động xã hội.
- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 0,4 – 0,6%/năm.
- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia đạt 75%, nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải đạt 95 - 100%.
- Tỷ lệ che phủ của rừng chiếm 45 - 46%.
- Hàng năm, có 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó vững mạnh toàn diện đạt 80%; 100% số xã, thị trấn, 80% cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn về an ninh, trật tự



Mộ Đức



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Mộ Đức là một huyện đồng bằng nằm ở phía Đông nam tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi

Phía Nam giáp thị xã Đức Phổ

Phía Tây giáp huyện Nghĩa Hành

Phía Đông giáp Biển Đông với đường bờ biển dài 23 km.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 214,08 km²

Dân số trung bình: 112.659 người.

Mật độ: 526,2 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mộ Đức có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Mộ Đức và 12 xã: Đức Chánh, Đức Hiệp, Đức Hòa, Đức Lâm, Đức Lợi, Đức Minh, Đức Nhuận, Đức Phong, Đức Phú, Đức Tân, Đức Thắng, Đức Thạnh

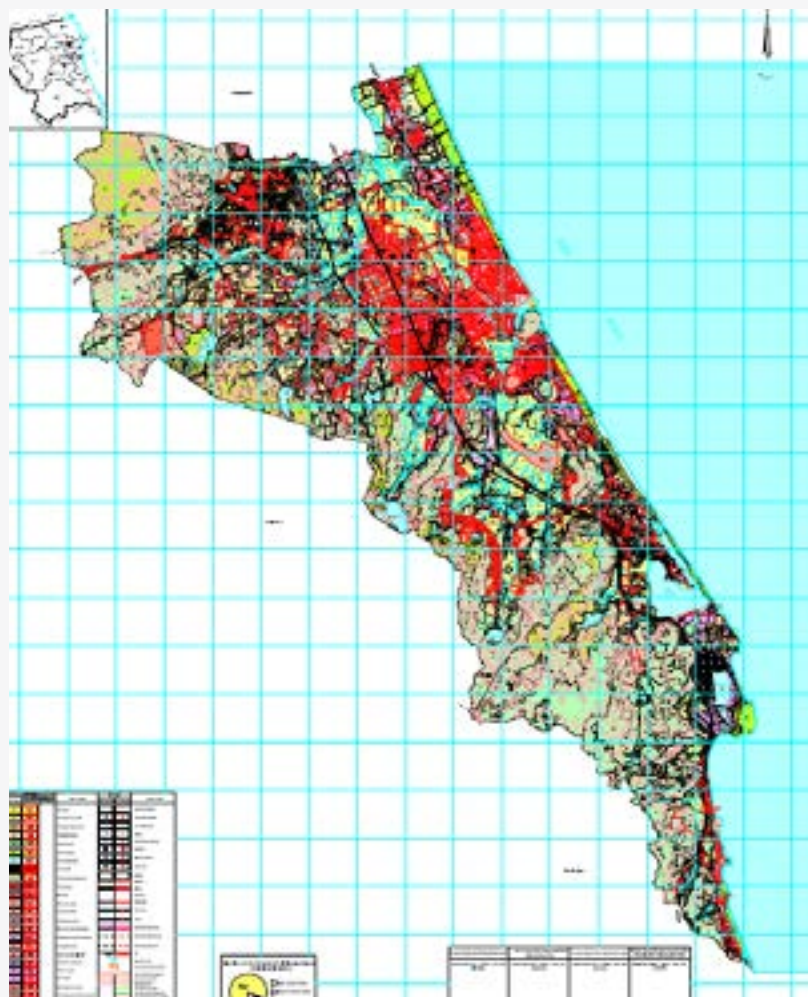
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nhiệm kỳ 2020 -2025, huyện Mộ Đức phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 10%/năm; tỷ trọng cơ cấu ngành đến năm 2025: Nông- lâm- ngư nghiệp chiếm 24%, công nghiệp- xây dựng 37%, thương mại- dịch vụ và du lịch 39%; thu nhập bình quân đầu người 50 triệu đồng/năm; 50% xã đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1%/năm,...



TX. ĐỨC PHỔ



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 373,05 km²

Dân số trung bình: 120.905 người.

Mật độ: 324,1 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Đức Phổ có 15 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 8 phường: Nguyễn Nghiêm, Phổ Hòa, Phổ Minh, Phổ Ninh, Phổ Quang, Phổ Thạnh, Phổ Văn, Phổ Vinh và 7 xã: Phổ An, Phổ Châu, Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Nhơn, Phổ Phong, Phổ Thuận

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Đức Phổ là một thị xã nằm ở phía Đông Nam tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp Biển Đông

Phía Bắc giáp huyện Mộ Đức

Phía Tây Bắc giáp huyện Nghĩa Hành

Phía Tây giáp huyện Ba Tơ

Phía Nam giáp thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

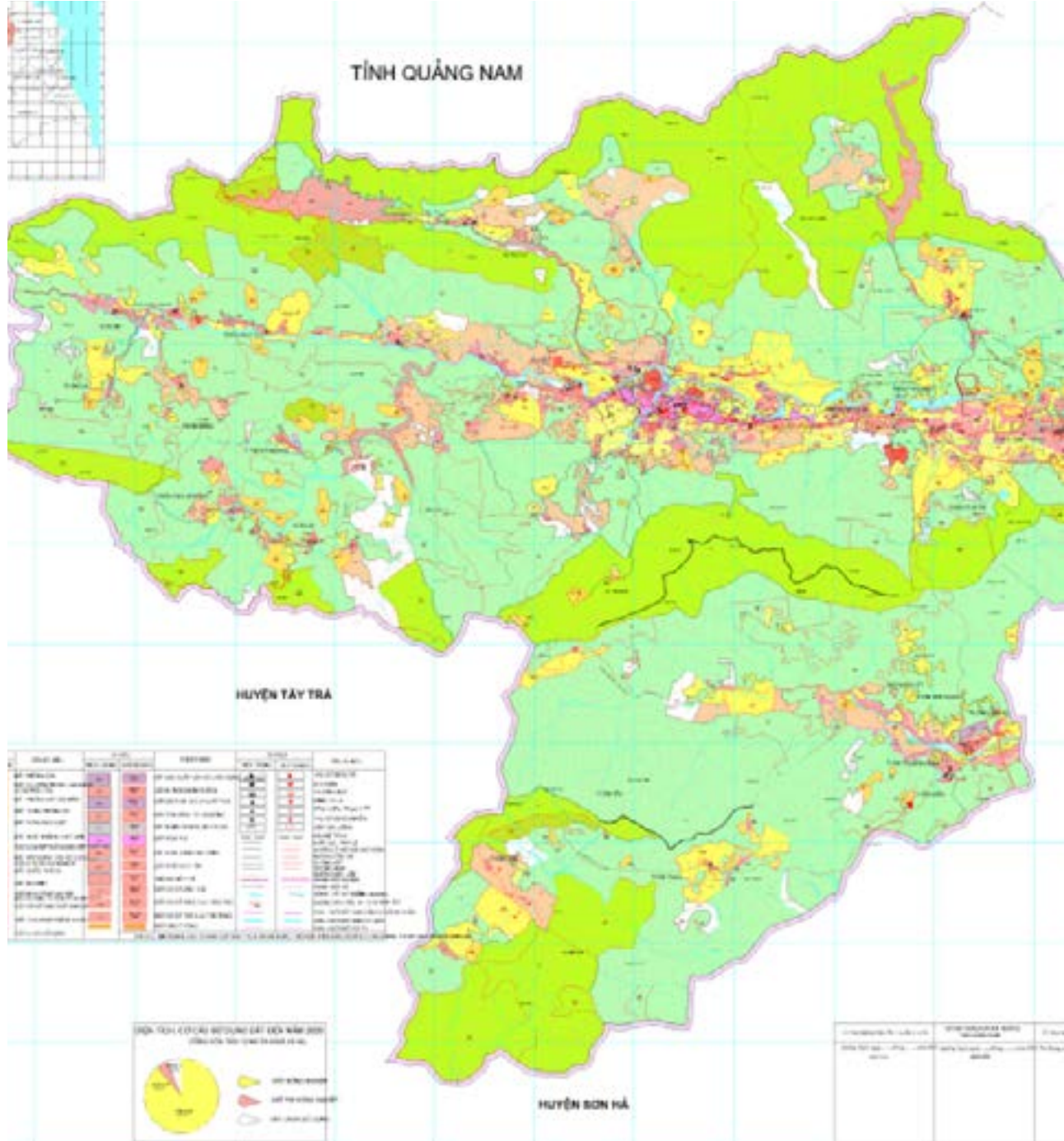
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 05 năm đạt từ 10 - 12%.
- Phấn đấu đến năm 2025 cơ cấu kinh tế: thương mại - dịch vụ 45%; công nghiệp - xây dựng 45%; nông - lâm - ngư nghiệp 10%;
- Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 200 triệu đồng;
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 60%; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới; 02-04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
- Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 92% so với dân số;
- 90% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- Hằng năm tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 75 - 80%..



TRÀ BỔNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Trà Bồng là một huyện miền núi nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bình Sơn và huyện Sơn Tịnh

Phía Tây giáp huyện Tây Trà

Phía Nam giáp huyện Sơn Tây

Phía Bắc giáp huyện Bắc Trà My và huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 760,41 km²

Dân số trung bình: 53.163 người.

Mật độ: 69,9 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Trà Bồng có 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Trà Xuân và 15 xã: Hương Trà, Sơn Trà, Trà Bình, Trà Bùi, Trà Giang, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Phong, Trà Phú, Trà Sơn, Trà Tân, Trà Tây, Trà Thanh, Trà Thủy, Trà Xi



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; huy động, kế thừa, tranh thủ tối đa cơ hội và điều kiện thuận lợi, chủ động khắc phục khó khăn, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tăng thu ngân sách; nâng cao chất lượng lĩnh vực văn hóa - xã hội, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội; đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tăng cường công tác bảo vệ môi trường; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Phấn đấu đến năm 2025 Trà Bồng cơ bản thoát nghèo, làm tiền đề để huyện thoát khỏi tình trạng huyện nghèo trước năm 2030.



Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2020-2025 đạt trên 8%/năm; cơ cấu kinh tế đến năm 2025: nông- lâm- ngư nghiệp 21%, công nghiệp - xây dựng 51%, thương mại, dịch vụ 28%; có thêm 2 xã (Trà Tân, Trà Giang) đạt chuẩn nông thôn mới, 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; phát triển và ổn định diện tích cây quế đến năm 2025 là 5.400 ha; độ che phủ rừng 61%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 4-6%/năm,...



Sơn Hà

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Sơn Hà là một huyện miền núi nằm ở phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Trà Bồng và huyện Sơn Tịnh

Phía Nam giáp huyện Ba Tơ và huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

Phía Tây giáp huyện Sơn Tây

Phía Đông giáp huyện Minh Long và huyện Tư Nghĩa.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

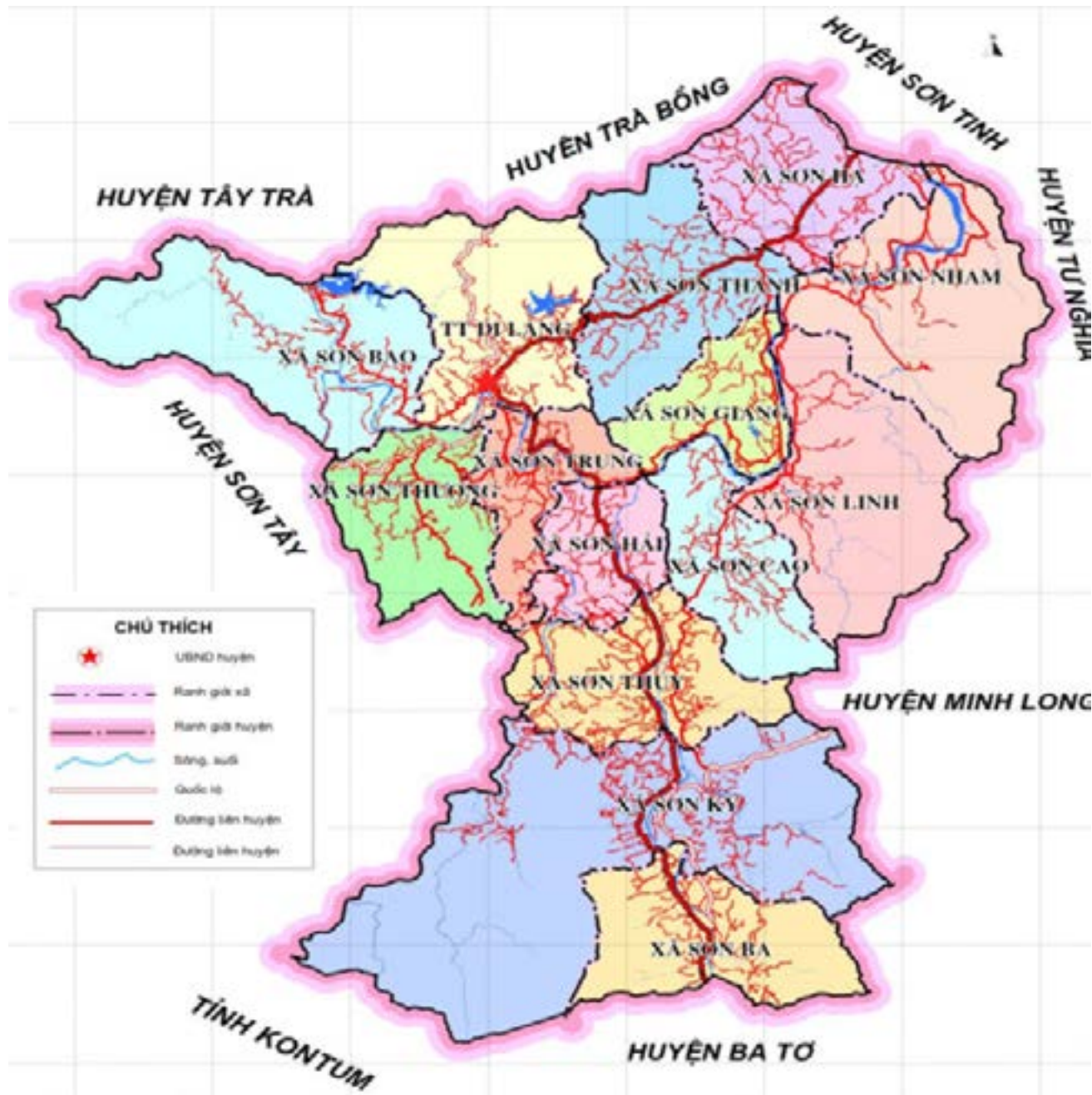
Diện tích: 728,26 km²

Dân số trung bình: 78.573 người.

Mật độ: 107,9 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Sơn Hà có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Di Lăng (huyện lỵ) và 13 xã: Sơn Ba, Sơn Bao, Sơn Cao, Sơn Giang, Sơn Hạ, Sơn Hải, Sơn Kỳ, Sơn Linh, Sơn Nham, Sơn Thành, Sơn Thượng, Sơn Thủy, Sơn Trung.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, huyện Sơn Hà phấn đấu trở thành huyện có kinh tế - xã hội phát triển khá trong các huyện miền núi của tỉnh.

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân từ 11,5 - 12%/năm.
- Tổng giá trị sản xuất ngành kinh tế (giá so sánh năm 2010) đến năm 2025 ước đạt 4.610,012 tỷ đồng.
- Cơ cấu các ngành kinh tế trong giá trị sản xuất đến năm 2025: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 21,3%; công nghiệp - xây dựng chiếm 53,9%; thương mại - dịch vụ chiếm 24,8%.
- Tổng sản lượng lương thực đến năm 2025: 29.790 tấn.
- Thu nhập bình quân đầu người theo GTSX đến năm 2025: phương án 1: 120 triệu/người/năm bao gồm cả giá trị công nghiệp điện năng); phương án 2: đạt 80 triệu /người/năm (trừ giá trị năng lượng điện).
- Tổng đàn gia súc đến 2025: 56.679 con.
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 từ 57% trở lên.



- Tổng thu ngân sách trên địa bàn hằng năm tăng 12-15%.
- Đến năm 2025, hoàn thiện 100% cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Hạ, tỷ lệ lấp đầy cụm công nghiệp 70%.
- Đô thị Di Lăng cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại IV vào năm 2025.
- 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia, 100% số hộ sử dụng điện lưới an toàn; 70% đường thôn, xóm được cứng hóa đến năm 2025.
- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã và thông suốt quanh năm.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 90%; tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch 90%.
- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn ở đô thị 80%; số xã, thị trấn tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt 13/13 xã.



VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Dân số trung bình 81.332 người.
- Đến năm 2025: trên 95% gia đình văn hóa; trên 85% thôn - tổ dân phố đạt văn hóa; xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đạt văn hóa trên 95%; 03 xã có trung tâm văn hóa - thể thao.
- Đến năm 2025 tỷ lệ huy động học sinh ra lớp: cấp mầm non: nhà trẻ ra lớp đạt 15%, trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi 85%, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%. Cấp tiểu học: 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; cấp trung học cơ sở 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; cấp trung học phổ thông 75-80%. Duy trì 01 trường chuẩn quốc gia mức độ 2, duy trì 08 trường chuẩn quốc gia mức độ 1; xây dựng đạt kiểm định chất lượng giáo dục - đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 cho 06 trường.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 4,5 - 5%/năm; hộ cận nghèo giảm 3-4%/năm.
- Giải quyết việc làm mới cho 10.000 lao động; số lao động đào tạo nghề 2.000; giải quyết việc làm sau đào tạo nghề và tự tổ chức sản xuất đạt 90%.
- Đến năm 2025 có 14/14 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9‰/năm. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 22% năm 2025.
- Phấn đấu đến năm 2025 có thêm 2 xã (Sơn Trung, Sơn Linh) đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới, 09/13 xã còn lại đạt từ 12-5 tiêu chí nông thôn mới.
- Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ hộ nông thôn có điện đạt 100%; tỷ lệ đường thôn, xóm được cứng hóa đạt 70%.



SƠN TÂY



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 385,64 km²

Dân số trung bình: 21.214 người.

Mật độ: 55,0 người/km²

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Sơn Tây là một huyện miền núi nằm ở phía Tây tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Đông, Đông Nam giáp huyện Sơn Hà

Phía Tây Nam giáp huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

Phía Tây Bắc giáp huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam

Phía Bắc giáp huyện Trà Bồng.

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Sơn Tây có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 8 xã: Sơn Bua, Sơn Dung, Sơn Lập, Sơn Liên, Sơn Long, Sơn Màu, Sơn Tân, Sơn Tinh.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII. Đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 thoát khỏi diện huyện nghèo.



KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất bình quân 5 năm 5,5 - 6%/năm.
- Tỷ trọng các ngành kinh tế trong tổng giá trị sản xuất đến năm 2025: Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản chiếm 18,5-19%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm 64-65%; Dịch vụ chiếm 15,5-16%.
- Đến năm 2025, giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 65-70,5 triệu đồng/người/năm.
- Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch thu ngân sách Nhà nước tỉnh giao hàng năm.
- Phấn đấu đến năm 2025, đường huyện được cứng hóa 90%; đường xã được cứng hóa 80%.



MÔI TRƯỜNG

- Đến năm 2025, độ che phủ rừng đạt 60,5%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 90%.
- Đến năm 2025, có 9/9 xã với 45-50% hộ dân cư được thu gom rác thải; 30% hộ dân cư được xử lý rác thải ngoài thu gom (lò đốt thủ công, hố đào); 95% hộ gia đình có nhà vệ sinh.
- Đến năm 2025, 9/9 xã có nghĩa trang nhân dân



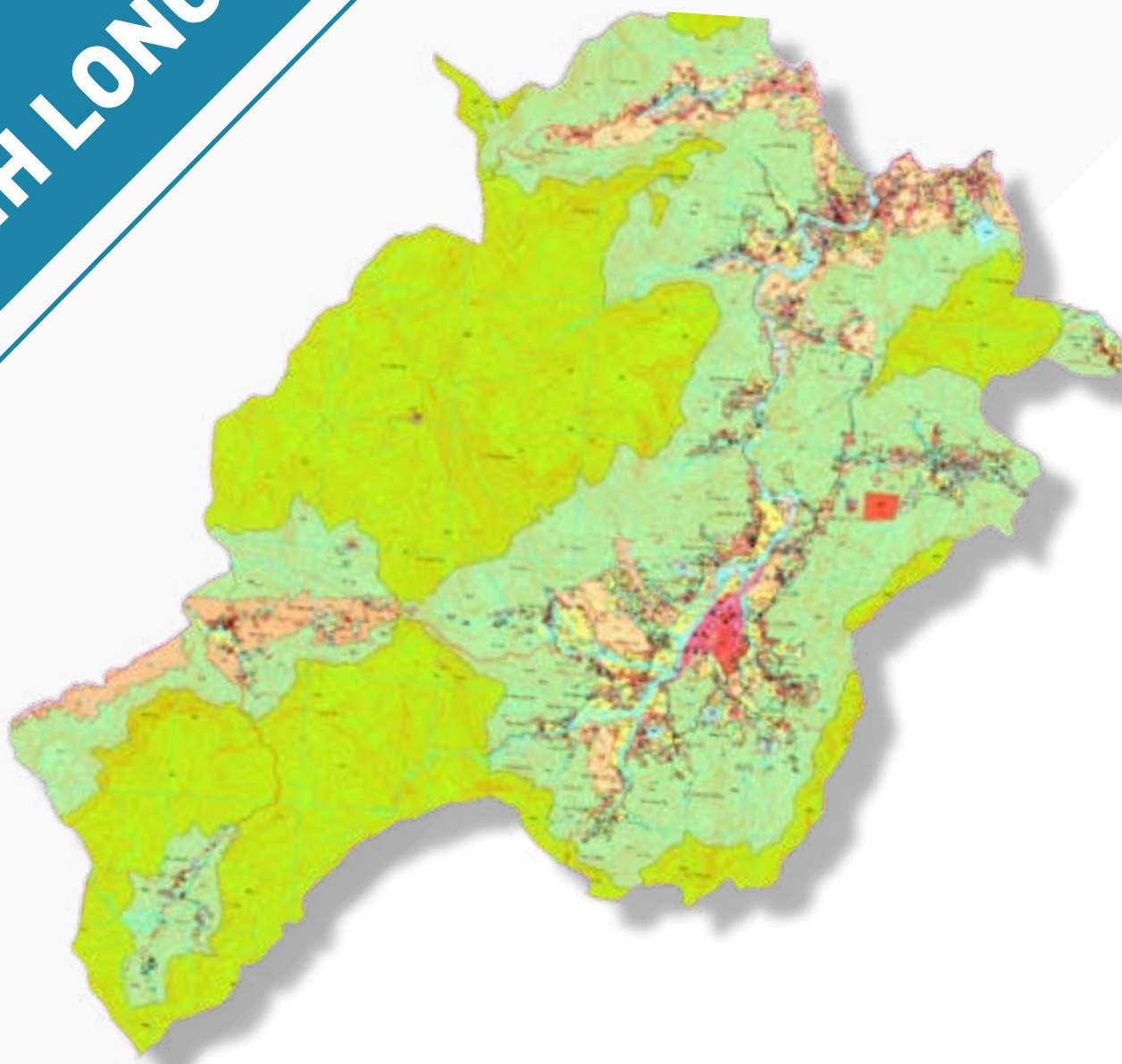
QUỐC PHÒNG - AN NINH

- Hàng năm, xây dựng 100% xã vững mạnh về quốc phòng; trong đó vững mạnh toàn diện đạt 55,5% (5/9 xã) vào năm 2025.
- Hàng năm, phân loại đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” có 85% số xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt loại khá trở lên, không có loại yếu.



VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Phấn đấu đến năm 2025, có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Sơn Mùa, Sơn Dung) các xã còn lại có ít nhất từ 01 đến 02 thôn đạt chuẩn nông thôn mới, số tiêu chí bình quân mỗi xã trên toàn huyện đạt 15-16 tiêu chí nông thôn mới.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5-5,5% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2020-2025).
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,96%/năm.
- Đến năm 2025, bình quân có 12 bác sĩ/vận dân; duy trì 35 giường bệnh/vận dân.
- Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2025: Mầm non 5/9 trường (đạt tỷ lệ 55%); Tiểu học và Trung học cơ sở 6/10 trường (đạt tỷ lệ 60%).
- Đến năm 2025, Gia đình văn hóa đạt 85-90%; thôn văn hóa 85-90%; cơ quan văn hóa 95% trở lên.
- Phấn đấu đến năm 2025, 9/9 xã có hệ thống đài truyền thanh.
- Đến năm 2025, tỷ lệ số hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100%.
- Đến năm 2025, số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 100%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, dưới 29%.



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Minh Long nằm ở trung tâm địa lý của tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Nghĩa Hành

Phía Tây giáp huyện Sơn Hà

Phía Nam giáp huyện Ba Tơ

Phía Bắc giáp huyện Tư Nghĩa và huyện Nghĩa Hành.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 237,30 km²

Dân số trung bình: 18.745 người.

Mật độ: 79,0 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

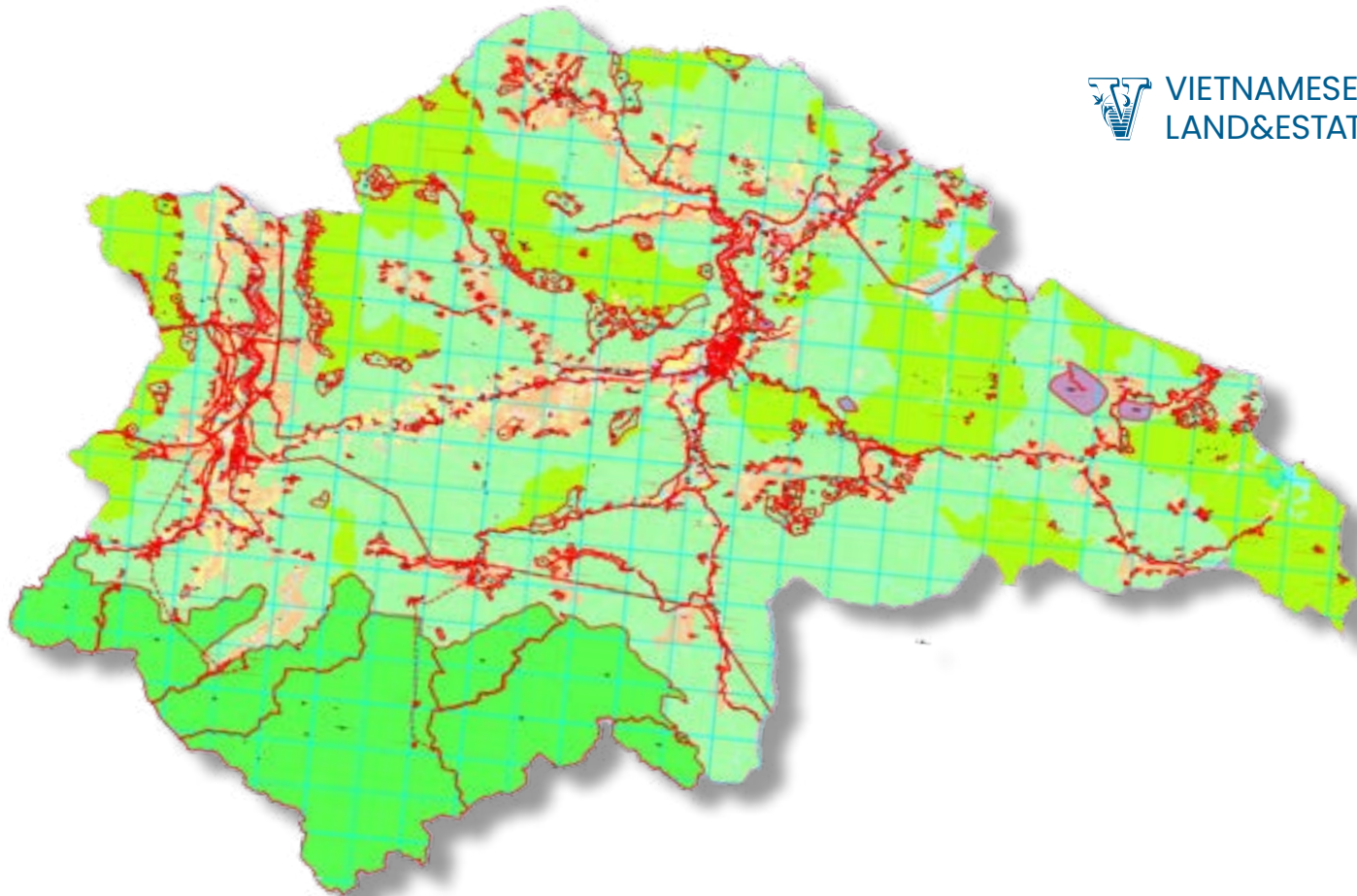
Huyện Minh Long có 5 xã trực thuộc: Long Hiệp, Long Mai, Long Môn, Long Sơn, Thanh An.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, huyện Minh Long phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân từ 6,5 - 7%. Tỷ lệ che phủ rừng giữ vững 65%. Có 3/5 xã đạt xã nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2 - 3%/năm. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đến năm 2025 ở bậc mầm non: 80%; tiểu học: 100%; THCS: 83,3%. Có 80% tổ chức cơ sở đảng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên...





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Ba Tơ là huyện miền núi ở phía Tây và Tây Nam của tỉnh Quảng Ngãi, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp các huyện Sơn Hà, Minh Long, Nghĩa Hành

Phía Nam giáp huyện An Lão, tỉnh Bình Định

Phía Tây giáp huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

Phía Đông giáp thị xã Đức Phổ.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.137,96 km²

Dân số trung bình: 59.636 người.

Mật độ: 52,4 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Ba Tơ có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Ba Tơ và 18 xã: Ba Bích, Ba Cung, Ba Điện, Ba Dinh, Ba Động, Ba Giang, Ba Khâm, Ba Lễ, Ba Liên, Ba Nam, Ba Ngạc, Ba Thành, Ba Tiêu, Ba Tô, Ba Trang, Ba Vì, Ba Vinh, Ba Xa.



Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

- Tốc độ tăng trưởng bình quân 7-8%/năm;
- Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt từ 40- 45 triệu đồng/người/năm;
- Tổng giá trị sản xuất đến năm 2025 đạt trên 2.117,68 tỉ đồng;
- Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp 52-53%; công nghiệp - xây dựng 32-33% và dịch vụ 16-17%.
- Giá trị sản xuất bình quân đầu người 40-45 triệu đồng/người/năm.
- Sản lượng lương thực có hạt 27.990 tấn, sản lượng cây có bột 10.000 tấn; lương thực bình quân đầu người 445,37 kg/người/năm.
- Giá trị sản xuất đất lâm nghiệp 95 triệu đồng/ha/chu kỳ. Giá trị sản xuất đất nông nghiệp 45 triệu đồng/ha/năm.
- Phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt dự toán được giao.
- Về giáo dục và đào tạo: Số trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non 10/20, tỷ lệ 50%; tiểu học đạt 8/8, tỷ lệ 100%; trung học cơ sở đạt 15/19, tỷ lệ 78,9%; trung học phổ thông đạt 2/2, tỷ lệ 100%. Tỷ lệ huy động học sinh đến trường đạt 100%. Công tác phổ cập giáo dục các cấp đạt 100%.
- Số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế 100%; 20 giường bệnh/vận dân và 7,5 bác sĩ/vận dân; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hằng năm 0,85%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi: thể cân nặng theo tuổi 26%, thể chiều cao theo tuổi 41%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân trên 97%.
- Tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm từ 4-6%.



- Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới: 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Ba Cung, Ba Liên, Ba Điền, Ba Ngạc, Ba Vĩ); 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Ba Động); số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã: 15,53 tiêu chí.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện 100%
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 92,18%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 30%.
- Đến năm 2025, 98% dân cư đô thị được sử dụng nước sạch, 9% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.
- 100% chất thải y tế, rác sinh hoạt được xử lý; 01 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.
- Các danh hiệu văn hóa 85% gia đình, 98% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, 83% thôn, tổ dân số đạt chuẩn văn hóa.
- Tỷ lệ hộ xem truyền hình 96%, nghe đài truyền thanh 100%.

- Giáo dục quốc phòng cho các đối tượng 100%; huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên và tuyển quân đạt 100%. Xây dựng xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng: 100%; trong đó: xã, thị trấn vững mạnh toàn diện 50%.
- Phấn đấu hàng năm xây dựng ít nhất 90% xã, thị trấn và 75% doanh nghiệp, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.
- Tỷ lệ che phủ rừng lên 68%;
- Về công tác xây dựng Đảng, đến 2025, Đảng bộ có 100% số tổ chức Đảng trực thuộc được xếp loại chất lượng Hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có từ 80% được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Phát triển đảng viên mới từ 100 – 120 đảng viên /năm....



Lý Sơn

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Lý Sơn là một huyện đảo nằm về phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ngãi, cách đất liền 15 hải lý

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

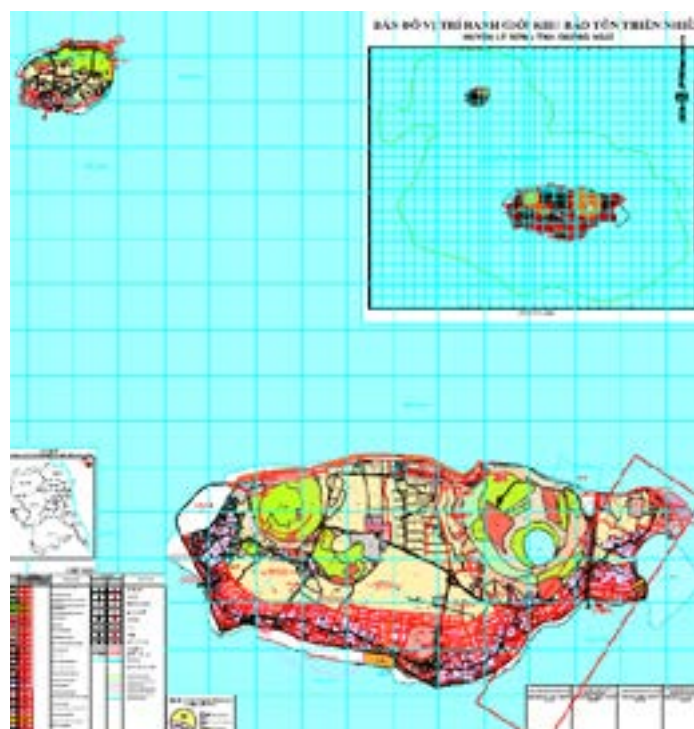
Diện tích: 10,40 km²

Dân số trung bình: 18.573 người.

Mật độ: 1.786,1 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Lý Sơn không phân chia thành đơn vị hành chính cấp xã, thay vào đó chính quyền cấp huyện trực tiếp quản lý về mọi mặt.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Phát huy sức mạnh tổng hợp, tranh thủ mọi nguồn lực, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, nhất là kinh tế biển và phát triển du lịch; chăm lo phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, thực hiện các chính sách xã hội nhằm nâng cao đời sống cho Nhân dân; bảo vệ tài nguyên - môi trường; giữ vững ổn định chính trị xã hội, phấn đấu xây dựng đảo Lý Sơn mạnh về kinh tế và vững chắc An ninh - Quốc phòng.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hằng năm 8-9%, trong đó: thương mại - dịch vụ tăng 14-15%; nông nghiệp tăng 1,5-2,5%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng từ 9-10%.
- Cơ cấu các ngành kinh tế năm 2025 (giá hiện hành): thương mại - dịch vụ chiếm 58-59%; nông nghiệp chiếm 34-35%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 7-8%.
- Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế năm 2025 (giá so sánh) đạt từ 3.300-3.500 tỷ đồng, trong đó: thương mại dịch vụ đạt từ 1.800-1.900 tỷ đồng; nông nghiệp đạt từ 1.100-1.200 tỷ đồng; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt từ 260-280 tỷ đồng.
- Độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt từ 18-20%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt từ 95% trở lên.



- Thu ngân sách trên địa bàn đạt và vượt từ 5-10% chỉ tiêu tỉnh giao hằng năm.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt từ 50-52 triệu đồng/người/năm.
- Sản lượng các loại cây trồng đến năm 2025 (tấn): tỏi 2.500 tấn, hành 10.268 tấn, ngô 70 tấn.
- Sản lượng khai thác thủy sản đến năm 2025 đạt 38.465 tấn.
- Sản lượng nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 ddtj 360 tấn.
- Đến năm 2025, số lượng tàu thuyền là 562 chiếc, tổng công suất 71.640 CV.

- Năm 2025, tổng lượt khách du lịch đạt từ 300.000-320.000 lượt, tăng 1,06 lần so với năm 2020; tổng thu ngành du lịch từ 700-750 tỷ đồng.
- Đến năm 2025, có 09/09 trường đạt chuẩn quốc gia; phần đầu xây dựng ít nhất 02 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Hằng năm, có 85-90% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 95-100% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; 100% thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa.
- Hằng năm, giải quyết việc làm cho 400-500 lao động; xuất khẩu lao động từ 40-50 người; đào tạo nghề cho 80-100 lao động nông thôn; phần đầu đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 50-55%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,99% (trong đó không tính đối tượng bảo trợ xã hội và người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên).
- Trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống còn dưới 10%. Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên giảm xuống còn dưới 10%; giảm mức sinh hàng năm bình quân 0,14%



Danh sách các Cơ quan, Ban ngành tỉnh Quảng Ngãi

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
UBND tỉnh Quảng Ngãi	52 Hùng Vương, Nguyễn Nghiêm, Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3712 135 Email: bbt@quangngai.gov.vn
UBND Thành phố Quảng Ngãi	48 Hùng Vương – TP. Quảng Ngãi	Điện thoại: 3822809
UBND thị xã Đức Phổ	465 Nguyễn Nghiêm, phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255 3 859 959 Email: pvhtt-ducpho@quangngai.gov.vn
UBND huyện Trà Bồng	Thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0982.865797
UBND huyện Lý Sơn	Thôn Đông An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255. 3867 224 Email: lyson@quangngai.gov.vn
UBND huyện Mộ Đức	Tổ dân phố I, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3857 563 Email: moduc@quangngai.gov.vn
UBND huyện Tư Nghĩa	Tổ dân phố 2, thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255. 3845558 Email: tunggia@quangngai.gov.vn.
UBND huyện Sơn Tịnh	Quốc lộ 24B, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255 3842632 Email: bbt.website.sontinh@gmail.com
UBND huyện Bình Sơn	Số 395 đường Phạm Văn Đồng - TDP 4 thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255.3851261 Email: binhson@quangngai.gov.vn;
UBND huyện Nghĩa Hành	Số 497 đường Phạm Văn Đồng - Thị trấn Chợ Chùa huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3 861 256 Email: bbt-ngghiahanh@quangngai.gov.vn
UBND huyện Ba Tơ	268 Phạm Văn Đồng, thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: (055) 3863221 Email: bato@quangngai.gov.vn
UBND huyện Minh Long	Long Hiệp, Minh Long, Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3866235. Email: minhlong@gmail.com.vn.
UBND huyện Sơn Hà	QL24B, TT. Di Lăng, Sơn Hà, Quảng Ngãi	Điện thoại : 0255 3864269 Email: sonha@quangngai.gov.vn
UBND huyện Sơn Tây	Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	ĐT: 0255.3868.279. Email: sontay@quangngai.gov.vn
Ban Quản lý KKT Dung Quất và KCN Quảng Ngãi	Khu đô thị mới Vạn Tường - Huyện Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255.3645828 Email: dungquat@quangngai.gov.vn
Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ngãi	97 Lê Trung Đình - Thành phố Quảng Ngãi	Điện thoại: 055.6250074 Email: chqs@quangngai.gov.vn
Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi	Số 50 Hùng vương - TP Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3817069 Email: ttra@quangngai.gov.vn
Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi	108 Phan Đình Phùng - Thành phố Quảng Ngãi.	Điện thoại: 055 815477
Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi	58-60 Phạm Văn Đồng, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255.3820254 Email: sct@quangngai.gov.vn
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi	Số 96 Nguyễn Nghiêm, Thành phố Quảng Ngãi, TP. Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255. 3822868 Email: skhdt@quangngai.gov.vn

Danh sách các Cơ quan, Ban ngành tỉnh Quảng Ngãi

TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ	LIÊN HỆ
Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi	16 Chu Văn An , thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3.822.705 Email: sld@quangngai.gov.vn
Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Ngãi	39 Phạm Văn Đồng - TP Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255. 3712.300
Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi	52 Hùng Vương , thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3822 864 Email: snv@quangngai.gov.vn
Sở Nông nghiệp và Phát triển tỉnh Quảng Ngãi	182 Hùng Vương, Trần Phú, Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3822704 Email: snn@quangngai.gov.vn
Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi	110 Lê Trung Đình, Tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255 3 820 478 Email: stcquangngai@mof.gov.vn
Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi	105 Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi.	Điện thoại: 055.3822716 Email: svhtt@quangngai.gov.vn
Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi	Số 68 đường Phạm Văn Đồng – thành phố Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255.3822717 Email: sxd@quangngai.gov.vn
Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	Số 19 Nguyễn Chánh, Thành phố Quảng Ngãi	
Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi	64 Phạm Văn Đồng, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0917.983.159
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Quảng Ngãi	118 Hùng Vương, Thành phố Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255.3711575. Email: stttt@quangngai.gov.vn
BQL dự án ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi	Số 234 đường Võ Thị Sáu - TP Quảng Ngãi – Tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255. 2241116 Email: bql@quangngai.gov.vn
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi	58 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255.3824164 Email: vanphongsos@quangngai.edu.vn
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Ngãi	39 Hai Bà Trưng - Thành phố Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255 - 3822709 Email: sgtvt@quangngai.gov.vn
Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Số 163 Hùng Vương - TP Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255.3714507 Email: stnmt@quangngai.gov.vn
Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi	507 - Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255-3822017
Công An tỉnh Quảng Ngãi	174 Hùng Vương, P. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi.	Điện thoại: 069.4306112
Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	167 Hùng Vương - Thành phố Quảng Ngãi.	Điện thoại: 0255.3822862. Email: ctk@quangngai.gov.vn.
Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi	2 Đ. Trương Quang Giao, Nghĩa Chánh Bắc, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: (0255) 3817775 E-mail: hquangngai@customs.gov.vn
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi	202 - Đường Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Điện thoại: 0255.8556.008

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Quảng Ngãi Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tỉnh Quảng Ngãi

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ tỉnh Quảng Ngãi
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/h7s31>

Thành phố Quảng Ngãi

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Quảng
Ngãi lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/f9cmwi>

Huyện Bình Sơn

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bình Sơn
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/6c0smx>

Huyện Sơn Tịnh

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Sơn Tịnh
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/mx9an4>

Huyện Tư Nghĩa

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tư Nghĩa
lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/23smzy>

Huyện Nghĩa Hành

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Nghĩa Hành
lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/8dmd3s>

Huyện Mộ Đức

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Mộ Đức lần
thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/amt8w2>

Thị xã Phổ Đức

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Phổ Đức lần
thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/lm2m2r>

Huyện Trà Bồng

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Trà Bồng lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/nxiam6>

Huyện Sơn Hà

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Hà lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bitly.com.vn/mxa8j0>

Huyện Sơn Tây

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Tây lần
thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/8d9mmq>

Huyện Minh Long

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Minh Long
lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/palm5t>

Huyện Ba Tơ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Ba Tơ lần thứ
XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/7dn2mx>

Huyện Lý Sơn

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lý Sơn lần thứ
XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/nxisma>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Quảng Ngãi

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TOÀN TỈNH	5.155,25	1.233.396	239,6
Thành phố Quảng Ngãi	157,35	261.736	1.663,4
Huyện Bình Sơn	466,85	181.170	388,1
Huyện Sơn Tịnh	243,80	95.938	393,4
Huyện Tư Nghĩa	205,61	128.759	626,2
Huyện Nghĩa Hành	234,49	82.325	351,1
Huyện Mộ Đức	214,08	112.659	526,2
Thị xã Đức Phổ	373,05	170.905	374,1
Huyện Trà Bồng	760,41	53.163	69,9
Huyện Sơn Hà	728,26	78.573	107,9
Huyện Sơn Tây	385,64	21.214	55,0
Huyện Minh Long	237,30	18.745	79,0
Huyện Ba Tơ	1.137,96	59.636	52,4
Huyện Lý Sơn	10,40	18.573	1.786,1

